Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2939.69.00

Mã HS	2939.69.00
Mô tả hàng hóa	Alkaloit, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp, và các muối, ete, este và các dẫn xuất khác của chúng / - Alkaloit của hạt cựa (mầm) lúa mạch (alkaloids of rye ergot) và các dẫn xuất của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 06:50:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29396900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4465
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4465
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4465
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4423
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4384
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4384
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4384
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4384
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4384
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4384
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4422
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4422
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4422
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4422
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4422
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4426
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4426
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4426
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4426
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4426
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4426
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4426
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4390
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4386
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4386
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4386
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4386
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4386
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4386
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4386
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4386
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4386
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4386
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4386
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4386
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4433
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4433
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4433
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4433
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4433
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4430
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4430
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4430
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4430
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4430
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4430
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4438
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4438
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4438
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4438
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4438
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4438
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4409
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4409
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4409
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4409
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4409
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4409
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4411
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4411
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4411
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4411
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4411

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4411
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4409
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4409
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4409
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4409
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4409
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4409
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4409
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4430
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4430
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4430
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4430
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4430
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4430
RCEP B	2022	2022	0	B!D4430
RCEP B	2023	2023	0	B!E4430
RCEP B	2024	2024	0	B!F4430
RCEP B	2025	2025	0	B!G4430
RCEP B	2026	2026	0	B!H4430
RCEP B	2027	2027	0	B!I4430
RCEP C	2022	2022	0	C!D4430
RCEP C	2023	2023	0	C!E4430
RCEP C	2024	2024	0	C!F4430
RCEP C	2025	2025	0	C!G4430
RCEP C	2026	2026	0	C!H4430
RCEP C	2027	2027	0	C!I4430

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D4430
RCEP D	2023	2023	0	D!E4430
RCEP D	2024	2024	0	D!F4430
RCEP D	2025	2025	0	D!G4430
RCEP D	2026	2026	0	D!H4430
RCEP D	2027	2027	0	D!I4430
RCEP E	2022	2022	0	E!D4433
RCEP E	2023	2023	0	E!E4433
RCEP E	2024	2024	0	E!F4433
RCEP E	2025	2025	0	E!G4433
RCEP E	2026	2026	0	E!H4433
RCEP E	2027	2027	0	E!I4433
RCEP F	2022	2022	0	F!D4430
RCEP F	2023	2023	0	F!E4430
RCEP F	2024	2024	0	F!F4430
RCEP F	2025	2025	0	F!G4430
RCEP F	2026	2026	0	F!H4430
RCEP F	2027	2027	0	F!I4430
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4078
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4078
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4078
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4078

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2939.69.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2939.69.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4465), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.